

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOA LƯ
TỈNH NINH BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 01/08/2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Thọ.

2. Ông Nguyễn Văn Khuyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 08 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 23/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T. Sinh năm: 1971. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm D, thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện nay: Khóm 2, quận 7, thành phố S, tỉnh S. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tr. Sinh năm: 1968. Trú tại: Xóm D, thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/2/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Tr tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn số 28, ngày 25/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm D, thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Năm 2005, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh Tr thường xuyên đánh chửi chị. Đến tháng 6 năm 2018, anh Tr đã đuổi chị ra khỏi nhà nên chị phải đưa con trai út về nhà bố mẹ đẻ ở xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình ở một thời gian sau đó chuyển vào khóm 2, quận 7, thành phố S, tỉnh S ở nhờ nhà em trai. Ngày 11/9/2018, chị đã gửi đơn khởi kiện đến tòa án xin ly hôn anh Tr sau đó đã rút đơn để cho anh Tr

có cơ hội để đoàn tụ gia đình nhưng đến nay, chị và anh Tr không hòa giải được với nhau, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng hơn, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Lâu nay, anh Tr thường xuyên gửi cho chị và gia đình chị nhiều giấy tờ có nội dung, lời lẽ vu khống chị, bố mẹ, anh em chị. Chị thấy toàn bộ nội dung ý kiến của anh Tr gửi tòa án là vu khống, không đúng sự thật, xúc phạm đến bản thân chị và bố mẹ, chị em của chị. Theo chị T, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Tr không chăm lo nuôi dạy con cái và xây dựng kinh tế gia đình, suốt ngày cờ bạc, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Tr không thay đổi. Chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 01/9/2003, cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 01/9/2005, cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 19/2/2010. Khi ra khỏi nhà vào tháng 6/2018, chị có mang theo cháu H còn cháu Th và cháu D ở với anh Tr. Cuối tháng 11 năm 2018, anh Tr đã xin nhà trường cho cháu Th nghỉ học và bảo lưu kết quả của cháu. Hiện nay, cháu Th ở đâu chị không biết. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả 03 cháu, không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung vì thu nhập hàng tháng từ việc buôn bán của chị từ 6 đến 7 triệu đồng đủ để bốn mẹ con sinh sống. Trường hợp tòa án không giải quyết cho chị được nuôi cả 3 cháu thì chị xin được nuôi cháu H còn cháu Th và cháu D chị tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Chị T đề nghị tòa án thu thập lời khai của cháu Th có trong hồ sơ giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Tr năm 2018 để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn- anh Nguyễn Văn Tr trình bày: Về thời gian kết hôn, chung sống, con chung của vợ chồng giống như trình bày của chị T nêu trên. Tuy nhiên, về mâu thuẫn vợ chồng, anh Tr trình bày: Bản thân anh có quá trình làm công nhân tại Công ty cổ phần phân lân Ninh Bình, môi trường lao động nặng nhọc, độc hại nên bị mắc nhiều bệnh nghề nghiệp. Tháng 9 năm 2016, anh bị tai nạn lao động phải điều trị dài ngày. Thời gian này, anh phát hiện chị T có quan hệ nam nữ bất chính từ nhiều năm trước và đã thu vén kinh tế riêng. Lấy lý do đi làm ca, chị T đi bất kể thời gian nào. Bản thân anh cũng đi làm ca nên không kiểm soát được chị T. Khi anh nguy kịch, nằm viện, chị T cũng không quan tâm, chăm sóc anh. Tháng 2 năm 2018, anh nghỉ hưu trước tuổi do bị suy giảm khả năng lao động. Từ đó, chị T bắt đầu công khai, thách thức anh về việc ngoại tình, thường đi đêm về khuya, không chăm lo đến gia đình, bỏ mặc con cái. Ngày 23/6/2018, anh không đánh đuổi chị T mà chị T bỏ trốn đưa theo cháu H về gửi tại nhà bố mẹ đẻ chị T tại xóm 7, thôn Đ, xã K, huyện K rồi thuê nhà ở một mình tại thành phố Ninh Bình để tiện cho việc ngoại tình và đi làm tại công ty cổ phần in và văn hóa phẩm Ninh Bình, bỏ mặc cháu Th và cháu D cho anh nuôi. Ngày 14/9/2018, anh đã làm đơn báo cáo trưởng xóm và công an xã N về việc chị T bỏ đi.

Kể từ khi chị T đưa cháu H đi, anh và gia đình đã nhiều lần đến nhà bố mẹ chị T và Trường tiểu học xã K nơi cháu H học để gặp cháu nhưng gia đình chị T ngăn cản,

đe dọa không cho gặp. Chị T và gia đình còn tác động vào suy nghĩ của cháu H là anh đuổi cháu đi và xui cháu Th, cháu H không nhận bố, cách ly không cho các cháu gặp nhau, ngăn cấm tình cảm ruột thịt chị em giữa các cháu dẫn đến các cháu không còn yêu thương nhau, không muốn gặp nhau. Tháng 11/2018, sau khi chị T rút đơn xin ly hôn anh thì cháu Th về ở với chị T còn cháu D vẫn ở với anh. Suốt thời gian đó, chị T và gia đình chị T cũng không hỏi han, gặp gỡ cháu D một lần nào. Chị T khai cháu Th vẫn đang ở với anh, còn chị T và cháu H ở tỉnh S là không đúng vì hiện tại, chị T cùng cháu Th, cháu H đang cư trú tại xóm 7, thôn Đ, xã K, huyện K và cháu H đang học lớp 3 tại trường tiểu học xã K, chị T đang làm công nhân tại công ty cổ phần in và văn hóa phẩm Ninh Bình. Anh Tr đề nghị tòa án tạm dừng việc giải quyết trong thời gian 2 tháng để anh đề nghị các cơ quan, đơn vị, nhà trường giải quyết sự việc có liên quan đến chị T và các con làm căn cứ chứng minh chị T đã khai báo gian dối. Anh Tr đề nghị tòa án giải quyết cho ly hôn giữa anh và chị T, đề nghị tòa án giao cả 3 con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con vì các anh chị em của anh sẽ hỗ trợ về kinh tế để anh nuôi các cháu và nếu để cho các cháu sống trong môi trường gia đình chị T thì các cháu sẽ phải chịu nhiều thiệt thòi và hư hỏng. Anh Tr đề nghị tòa án sử dụng lời khai của cháu Th trong hồ sơ giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa anh và chị Thúy năm 2018 để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Về tài sản, công nợ chung: anh Tr không đề nghị tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi vợ chồng anh Tr, chị T chung sống. Chính quyền địa phương xã N cho biết: Vợ chồng anh Tr, chị T chung sống với nhau tại xóm D, thôn Đ, xã N, huyện H từ năm 2002 đến giữa năm 2018 thì chị T đưa cháu Nguyễn Trung H đi khỏi địa phương còn cháu Th, cháu D sống cùng với anh Tr. Chị T bỏ đi vì lí do gì thì chính quyền cơ sở không được biết. Khi chị T bỏ đi được một thời gian thì anh Tr có báo cáo với địa phương. Gần đây, cháu Th không sống cùng anh Tr nữa, cháu Th sống với ai, ở đâu địa phương không biết. Anh Tr trước đây là công nhân công ty cổ phần phân lân Ninh Bình sau đó đã nghỉ chế độ, hiện nay anh Tr lao động tự do (làm thợ xây). Chị T trước là công nhân tại nhà máy in Ninh Bình, hiện nay chị T làm gì, ở đâu địa phương không được biết. Trong quá trình chung sống, anh Tr, chị T có xảy ra va chạm, cãi vã lẫn nhau, không rõ nguyên nhân.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2019 đối với cháu Nguyễn Trung H, đơn trình bày ngày 26/4/2019 và đơn đề nghị ngày 20/10/2018 của cháu Nguyễn Thị Thùy D, đơn đề nghị ngày 21/10/2018 của cháu Nguyễn Thị Phương Th có nội dung: trường hợp tòa án giải quyết cho anh Tr, chị T ly hôn, cháu Th, cháu H muốn được ở với chị T, cháu D muốn được ở với anh Tr.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại

phiên tòa lần thứ 2, đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử cho chị T ly hôn anh Tr. Giao cháu Nguyễn Thị Phương Th và cháu Nguyễn Trung H cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị Thùy D cho anh Tr nuôi dưỡng. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, có quyền thăm nom con chung, thay đổi người nuôi con khi cần thiết. Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Các tình tiết, sự kiện các đương sự đã thống nhất, không phải chứng minh: Anh Tr, chị T kết hôn ngày 25/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, có 03 con chung là Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 01/9/2003, Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 01/9/2005, Nguyễn Trung H, sinh ngày 19/2/2010. Từ tháng 6 năm 2018 đến nay, chị T và anh Tr sống ly thân. Năm 2018, chị T đã nộp đơn khởi kiện đến tòa án yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với anh Tr sau đó đã rút đơn khởi kiện. Anh Tr, chị T đều đề nghị tòa án giải quyết cho ly hôn.

Các tình tiết, sự kiện các bên không thống nhất: Anh Tr, chị T có lời khai không thống nhất về mâu thuẫn của vợ chồng và nơi cư trú của cháu Th, chị T, cháu H. Anh Tr, chị T đều đề nghị được nuôi cả 3 con chung, không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Anh Nguyễn Văn Tr đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Căn cứ Trích lục kết hôn ngày 29/8/2018 của UBND xã N, huyện H và trình bày của các bên đương sự, quan hệ hôn nhân giữa anh Tr và chị T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Anh Tr, chị T không thống nhất trong việc xác định mâu thuẫn vợ chồng. Ngoài lời khai, anh Tr, chị T đều không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ. Qua nội dung xác minh và lời khai của chị T, HĐXX xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng anh Tr và chị T có xảy ra va chạm, cãi vã lẫn nhau. Lời khai của anh Tr và chị T cho thấy anh Tr và chị T đều cảm nhận vợ/chồng không có sự quan tâm, chăm sóc với nhau, không vun vén, chăm lo cho gia đình, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau từ nhiều năm. Chị T đã từng đề nghị tòa án giải quyết ly hôn anh Tr sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Tr và chị T vẫn sống ly thân, không có giải pháp để chung sống cùng nhau. Quá trình chuẩn bị xét xử, tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải nhưng anh Tr không có mặt, chị T chỉ đề nghị tòa án hòa giải để vợ chồng thống nhất việc ly hôn, không hòa giải đoàn tụ vợ chồng cho thấy anh Tr, chị T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, giữa anh Tr và chị T không còn tình cảm với nhau, vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần cho

chị T, anh Tr ly hôn nhau theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Anh Tr và chị T có 03 con chung như các đương sự đã trình bày. Hiện nay, không xác định được nơi cư trú của cháu Th. Đây là trách nhiệm của anh Tr và chị T trong việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên. Anh Tr và chị T không thống nhất về người trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn nhưng cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Xét thấy, anh Tr sức khỏe yếu, kinh tế có khó khăn còn chị T chỗ ở chưa ổn định nên anh Tr hoặc chị T không thể trực tiếp nuôi cả 3 con chung. Bên cạnh đó, nguyện vọng của cháu Th, cháu D, cháu H cũng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của anh Tr, chị T nên cần giao cho chị T được nuôi cháu Th và cháu H, giao cho anh Tr nuôi cháu D. Việc anh Tr, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên không buộc các đương sự phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Anh Tr cho rằng chị T đã khai báo gian dối về nơi cư trú của chị T, cháu Th, cháu H nhưng cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và cũng không đề nghị tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để làm rõ nên không có cơ sở để chấp nhận lời khai của anh Tr về vấn đề này.

[5] Anh Tr, chị T không yêu cầu tòa án giải quyết tài sản chung, công nợ chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Chị T phải nộp án phí ly hôn, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Tr và chị Nguyễn Thị T.

1.2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 01/9/2003 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 19/2/2010 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th, cháu H đủ 18 tuổi;

- Giao con chung Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 01/9/2005 cho anh Nguyễn Văn Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi;

- Anh Nguyễn Văn Tr, chị Nguyễn Thị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết, anh Tr, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/00924 ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoa Lư. Chị T đã nộp đủ.

Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Hoa Lư;
- THADS huyện Hoa Lư;
- UBND xã Ninh An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Vũ Thị Kim Oanh